



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

In hai mặt

Xin lưu ý rằng những thẻ học này được thiết kế để in hai mặt. Nếu máy in của bạn không thể in hai mặt, vui lòng tải xuống các tệp PDF thẻ học đơn để in.

mina

sina

tema
mees

tema
naine

see
koer

meie

teie

nemad

mis

kes

kus

miks

kuidas

milline

millal

siis

kui

tõesti

aga

sest

mitte

anh ấy

bạn

tôi

chúng tôi / chúng ta

nó

cô ấy

cái gì

họ

các bạn

tại sao

ở đâu

ai

lúc nào

cái nào

làm sao

thật sự

nếu

sau đó

không

bởi vì

nhưng

see
siin

Ma vajan seda

Kui palju see maksab?

see
seal

kõik
üldine

või
lause

ja

teadma

Ma tean

Ma ei tea

mõtlemata

tulema

panema

võtma

leidma

kuulama

töötama

rääkima

andma

meeldima

aitama

Cái này giá bao nhiêu?

Tôi cần cái này

này

hoặc

tất cả

đó

Tôi biết

biết

và

đến

nghĩ

Tôi không biết

tìm

lấy

đặt

nói chuyện

làm việc

nghe

giúp đỡ

thích

cho

armastama

helistama

ootama

Sa meeldid mulle

Mulle ei meeldi see

Kas sa armastad mind?

Ma armastan sind

null

üks

kaks

kolm

neli

viis

kuus

seitse

kaheksa

üheksa

kümme

üksteist

kaksteist

kolmteist

chờ đợi

gọi

yêu

Bạn có yêu tôi không?

Tôi không thích cái này

Tôi thích bạn

1

0

Tôi yêu bạn

4

3

2

7

6

5

10

9

8

13

12

11

neliteist

viisteist

kuusteist

seitseteist

kaheksateist

üheksateist

kakskümmend

uus

vana
üldine

vähe

palju

Kui palju?

Kui mitu?

vale

õige

halb

hea

õnnelik

lühike
üldine

pikk
üldine

väike

16

15

14

19

18

17

cũ

mới

20

bao nhiêu?

nhiều

ít

chính xác

sai

bao nhiêu?

hạnh phúc

tốt

xấu

nhỏ

dài

ngắn

suur

seal

siin

parem

vasak

ilus

noor

vana
inimene

tere

näeme hiljem

okei

ole tubli

ära muretse

muidugi

head päeva

hei

tšau

head aega

vabandage mind

vabandust

aitäh

đây

đó

lớn

xinh đẹp

trái

phải

xin chào

già

trẻ

bảo trọng nhé

được

hẹn gặp lại

chúc ngày tốt lành

tất nhiên

đừng lo

tạm biệt

bái bai

chào

cảm ơn bạn

xin lỗi

xin làm phiền

palun

Ma tahan seda

nüüd

pärastlõuna

hommik
9:00-11:00

öö

hommik
6:00-9:00

õhtu

keskpäev

kesköö

tund

minut

sekund

päev

nädal

kuu
aeg

aasta

aeg

kuupäev

üleeile

eile

bây giờ

Tôi muốn cái này

làm ơn

ban đêm

buổi sáng

buổi chiều

buổi trưa

buổi tối

buổi sáng

phút

giờ

nửa đêm

tuần

ngày

giây

thời gian

năm

tháng

hôm qua

ngày hôm kia

ngày tháng

täna

homme

ülehomme

esmaspäev

teisipäev

kolmapäev

neljapäev

reede

laupäev

pühapäev

Homme on laupäev

elu

naine
üldine

mees
üldine

armastus

poiss-sõber

tüdruksõber

sõber

suudlus

seks

laps

ngày kia

ngày mai

hôm nay

thứ tư

thứ ba

thứ hai

thứ bảy

thứ sáu

thứ năm

cuộc đời

Ngày mai là thứ bảy

chủ nhật

tình yêu

đàn ông

đàn bà

bạn

bạn gái

bạn trai

trẻ em

tình dục

hôn

beebi

tüdruk

poiss

emme

issi

ema

isa

vanemad

poeg

tütar

väike õde

väike vend

suur õde

suur vend

seisma

istuma

lamama

sulgema

avama
uks

kaotama

võitma

con trai

con gái

em bé

má

ba

mẹ

con trai

cha mẹ

cha

em trai

em gái

con gái

đúng

anh trai

chị gái

đóng

nằm xuống

ngồi

thắng

thua

mở

surema

elama

sisse lülitama

välja lülitama

tapma

vigastama

puudutama

vaatama

jooma

sööma

kõndima

kohtuma

kihla vedama

suudlema

järgima

abielluma

vastama

küsima

küsimus

ettevõte

äri

bật

sống

chết

làm bị thương

giết

tắt

uống

xem

chạm

gặp

đi bộ

ăn

đi theo

hôn

đặt cược

hỏi

trả lời

cưới

kinh doanh

công ty

câu hỏi

töö

raha

telefon

kontor

arst

haigla

õde

politseinik

president

valge

must

punane

sinine

roheline

kollane

aeglane

kiire

naljakas

ebaõiglane

õiglane

keeruline

điện thoại

tiền

việc làm

bệnh viện

bác sĩ

văn phòng

tổng thống

cảnh sát

y tá

màu đỏ

màu đen

màu trắng

màu vàng

màu xanh lá cây

màu xanh da trời

vui vẻ

nhanh

chậm

khó

công bằng

không công bằng

lihtne

See on keeruline

rikas

vaene

tugev

nõrk

ohutu

väsinud

uhke

täis
toit

haige

terve

vihane

madal
diagramm

kõrge

sirge

iga

alati

tegelikult

jälle

juba

giàu

Cái này khó

dễ

yếu

khỏe

nghèo

tự hào

mệt mỏi

an toàn

khỏe mạnh

bệnh

no bụng

cao

thấp

tức giận

luôn luôn

mỗi / mọi

thẳng

đã

lần nữa

thực ra

vähem

enim

rohkem

Ma tahan rohkem

mitte ükski

väga

loom

siga

lehm

hobune

koer

lammas

ahv

kass

karu

kana

part

liblikas

mesilane

kala
loom

ämblik

nhiều hơn

phần lớn

ít hơn

rất

không có

Tôi muốn nhiều hơn

con bò

con lợn

động vật

con cừu

con chó

con ngựa

con gấu

con mèo

con khỉ

con bướm

con vịt

con gà

con nhện

con cá

con ong

madu

väljas

sees

kaugel

lähedal

all

üleval

kõrval

ees

taga

magus

hapu

imelik

pehme

kõva

armas

rumal

hull

hõivatud

pikk
inimene

lühike
inimene

ở trong

ở ngoài

con rắn

bên dưới

gần

xa

phía trước

bên cạnh

bên trên

chua

ngọt

phía sau

cứng

mềm

lạ

điên khùng

ngu ngốc

đáng yêu

thấp

cao

bận rộn

murelik

üllatunud

lahe

hästi käituv

kuri

nutikas

külm

kuum

pea

nina

juuksed

suu

kõrv

silm

käsi

jalalaba

süda

aju

tõmbama

suruma

vajutama

ngẫu

ngạc nhiên

lo lắng

khéo léo

ác độc

cư xử tốt

đầu

nóng

lạnh

miệng

tóc

mũi

bàn tay

mắt

tai

não

tim

bàn chân

ấn

đẩy

kéo

lööma
käsi

püüdma

võitlema

viskama

jooksma

lugema

kirjutama

parandama

loendama

lõikama

müüma

ostma

maksma

õppima

unistama

magama

mängima

tähistama

puhkama

nautima

puhastama

chiến đấu

bắt

đánh

đọc

chạy

ném

đếm

sửa chữa

viết

mua

bán

cắt

mơ

học

trả

ăn mừng

chơi

ngủ

dọn dẹp

thưởng thức

nghỉ ngơi

kool

maja

uks

mees
pulmad

naine
pulmad

pulmad

inimene

auto

kodu

linn

arv

kakskümmend üks

kakskümmend kaks

kakskümmend kuus

kolmkümmend

kolmkümmend üks

kolmkümmend kolm

kolmkümmend seitse

nelikümmend

nelikümmend üks

nelikümmend neli

cửa

nhà ở

trường học

đám cưới

vợ

chồng

nhà

xe hơi

người

21

số

thành phố

30

26

22

37

33

31

44

41

40

nelikümmend kaheksa

viiskümmend

viiskümmend üks

viiskümmend viis

viiskümmend üheksa

kuuskümmend

kuuskümmend üks

kuuskümmend kaks

kuuskümmend kuus

seitsekümmend

seitsekümmend üks

seitsekümmend kolm

seitsekümmend seitse

kaheksakümmend

kaheksakümmend üks

kaheksakümmend neli

kaheksakümmend kaheksa

üheksakümmend

üheksakümmend üks

üheksakümmend viis

üheksakümmend üheksa

51

50

48

60

59

55

66

62

61

73

71

70

81

80

77

90

88

84

99

95

91

sada

tuhat

kümme tuhat

sada tuhat

miljon

minu koer

sinu kass

tema kleit

tema auto

selle pall

meie kodu

teie meeskond

nende firma

kõik
inimesed

koos

muu

pole tähtis

terviseks

lõõgastu

Ma nõustun

tere tulemast

10.000

1000

100

con chó của tôi

1.000.000

100.000

xe của anh ấy

váy của cô ấy

con mèo của bạn

đội của bạn

nhà của chúng tôi

quả bóng của nó

cùng nhau

mọi người

công ty của họ

chúc mừng

không thành vấn đề

khác

chào mừng

tôi đồng ý

thư giãn đi

pole probleemi

pööra paremale

pööra vasakule

mine otse

Tule minuga

muna

juust

piim

kala
toit

liha

köögivil

puuvili

luu
toit

õli

leib

suhkur

šokolaad

komm

kook

jook

vesi

rễ trái

rễ phải

không phải lo

trúng

Hãy đi với tôi

đi thẳng

cá

sữa

phô mai

trái cây

rau

thịt

bánh mì

dầu

xương

kẹo

sô cô la

đường

nước

đồ uống

bánh bông lan

gaseeritud vesi

kohv

tee
jook

õlu

vein

salat

supp

magustoit

hommikusöök

lõunasöök

õhtusöök

pitsa

buss

rong

raudteejaam

bussipeatus

lennuk

laev

veoauto

jalgratas

mootorratas

trà

cà phê

nước soda

sa lát

rượu nho

bia

bữa ăn sáng

món tráng miệng

súp

pizza

bữa tối

bữa trưa

ga xe lửa

xe lửa

xe buýt

tàu

máy bay

trạm dừng xe buýt

xe mô tô

xe đạp

xe tải

takso

valgusfoor

autoparkla

tee
auto

riietus

king

mantel

kampsun

triiksärk

jakk

ülikond

püksid

kleit

T-särk

sokk

rinnahoidja

aluspüksid

prillid

käekott

rahakott
suur

rahakott
väike

bãi đậu xe

đèn giao thông

xe taxi

giày dép

quần áo

đường

áo sơ mi

áo len

áo choàng

quần dài

áo phực

áo khoác

bít tất

áo phông

đầm

kính

quần lót

áo ngực

ví

ví tiền

túi xách

sõrmus

müts

käekell

tasku

Mis su nimi on?

Minu nimi on David

Ma olen 22 aastane

Kuidas läheb?

Kas kõik on korras?

Kus on tualett?

Ma igatsen sind

kevad

suvi

sügis

talv

jaanuar

veebruar

märts

aprill

mai

juuni

đồng hồ đeo tay

mũ

nhẫn

Tên của tôi là David

Bạn tên gì?

túi

Bạn có ổn không?

Bạn có khỏe không?

Tôi 22 tuổi

mùa xuân

Tôi nhớ bạn

Nhà vệ sinh ở đâu vậy?

mùa đông

mùa thu

mùa hè

tháng ba

tháng hai

tháng một

tháng sáu

tháng năm

tháng tư

juuli

august

september

oktoober

november

detsember

shopping

arve

turg

supermarket

hoone

korter

ülikool

talu

kirik

restoran

baar

jõusaal

park

tualett
üldine

kaart

tháng chín

tháng tám

tháng bảy

tháng mười hai

tháng mười một

tháng mười

chợ

hóa đơn

mua sắm

căn hộ

tòa nhà

siêu thị

nhà thờ

nông trại

trường đại học

phòng thể dục

quán bar

nhà hàng

bản đồ

nhà vệ sinh

công viên

kiirabi

politsei

tulirelv

tuletõrjujad

riik

äärelinn

küla

tervis

ravim

õnnetus

patsient

operatsioon

tablett

palavik

külmetus

haav

kokkulepitud aeg

köha

kael

tagumik

õlg

súng

cảnh sát

xe cứu thương

ngoại ô

quốc gia

lính cứu hỏa

dược phẩm

sức khỏe

ngôi làng

phẫu thuật

bệnh nhân

tai nạn

cảm lạnh

sốt

viên thuốc

ho

cuộc hẹn

vết thương

vai

mông

cổ

põlv

jalg

käsivars

kõht

rind

selg

hammas

keel

huul

sõrm

varvas

magu

kops

maks
organ

närv

neer

sool
keha

värv
üldine

oranž

hall

pruun

tay

chân

đầu gối

lưng

ngực

bụng

môi

lưỡi

răng

dạ dày

ngón chân

ngón tay

dây thần kinh

gan

phổi

màu sắc

ruột

thận

màu nâu

màu xám

màu cam

roosa

igav

raske

kerge

üksildane

näljane

janune

kurb

järsk

lame

ümmargune

kandiline

kitsas

lai

sügav

madal
järv

hiigelsuur

põhi

ida

lõuna

lääs

nặng

nhàm chán

màu hồng

đôi bụng

cô đơn

nhẹ

đốc

buồn

khát nước

vuông

tròn

bằng phẳng

sâu

rộng

hẹp

bắc

lớn

nông

tây

nam

đông

määdunud

puhas

täis
üldine

tühi

kallis

odav

tume

hele

seksikas

laisk

vapper

helde

nägus

kole

tobe

sõbralik

süüdi

pime

purjus

märg

kuiv

đầy

sạch sẽ

bẩn

rẻ

đắt

trống rỗng

quyến rũ

sáng

tối

hào phóng

dũng cảm

lười biếng

ngớ ngẩn

xấu xí

đẹp trai

mù

tội lỗi

thân thiện

khô

ướt

say

soe

vali

vaikne

hääletu

köök

vannituba

elutuba

magamistuba

aed

garaaž

sein

kelder

tualett
kodu

trepp

katus

aken
hoone

nuga

tass
kuum

klaas

taldrik

tass
külm

yên tĩnh

ồn ào

ấm áp

phòng tắm

nhà bếp

im lặng

vườn

phòng ngủ

phòng khách

tầng hầm

tường

gara

mái nhà

cầu thang

nhà vệ sinh

tách

dao

cửa sổ

cốc

đĩa

ly

prügikast

kauss

televiisor

kirjutuslaud

voodi

peegel

dušš

diivan

pilt

kell

laud

tool

ujumisbassein

ukse kell

naaber

ebaõnnestuma

valima

tulistama

hääletama

kukkuma

kaitsma

bộ tivi

tô

thùng rác

gương

giường

bàn

ảnh

ghế sofa

vòi hoa sen

ghế

bàn

đồng hồ

hàng xóm

chuông

hồ bơi

bắn

chọn

thất bại

bảo vệ

rơi xuống

bình chọn

ründama

varastama

põletama

päästma

suitsetama

lendama

kandma

sülitama

lööma
jalalaba

hammustama

hingama

nuusutama

nutma

laulma

naeratama

naerma

kasvama

kahanema

vaidlema

ähvardama

jagama

đốt

trộm

tấn công

bay

hút thuốc

cứu

đá

khắc nhở

mang theo

ngủi

thở

cẩn

cười mỉm

hát

khóc

co lại

lớn lên

cười

chia sẻ

đe dọa

tranh luận

toitma

peitma

hoiatama

ujuma

hüppama

veerema

tõstma

kaevama

kopeerima

tarnima

otsima

harjutama

reisima

värvima

duši all käima

avama
lukk

lukustama

pesema

palvetama

süüa tegema

raamat

cảnh báo

trốn

cho ăn

lăn

nhảy

bơi

sao chép

đào

nâng

luyện tập

tìm kiếm

giao hàng

tắm vòi sen

vẽ

đi du lịch

rửa

khóa

mở

sách

nấu ăn

cầu nguyện

raamatukogu

kodutöö

eksam

koolitund

teadus

ajalugu

kunst

inglise keel

prantsuse keel

pastakas

pliiats

kolm protsenti

esimene

teine

kolmas

neljas

tulemus

ruut

ring

pindala

uurimustöö

bài thi

bài tập về nhà

thư viện

lịch sử

khoa học

bài học

tiếng Pháp

tiếng Anh

nghệ thuật

3%

bút chì

cây bút

thứ ba

thứ hai

thứ nhất

hình vuông

kết quả

thứ tư

ngiên cứu

diện tích

hình tròn

kraad

bakalaureusekraad

magistrikraad

x on väiksem kui y

x on suurem kui y

stress

kindlustus

personal

osakond

palk

aadress

kiri

kapten

detektiiv

piloot

professor

õpetaja

advokaat

sekretär

assistent

kohtunik
kohus

thạc sĩ

cử nhân

bằng cấp

áp lực

$x > y$

$x < y$

bộ phận

nhân viên

bảo hiểm

lá thư

địa chỉ

lương

phi công

thám tử

thuyền trưởng

luật sư

giáo viên

giáo sư

thẩm phán

trợ lý

thư ký

direktor

juhataja

kokk

taksojuht

bussijuht

kurjategija

modell

kunstnik

telefoninumber

levi

rakendus

vestlus

fail

url

e-posti aadress

veebileht

e-post

mobiiltelefon

seadus

vangla

tõend

đầu bếp

quản lý

giám đốc

tội phạm

tài xế xe buýt

tài xế taxi

số điện thoại

nghệ sĩ

người mẫu

trò chuyện

ứng dụng

tín hiệu

địa chỉ email

url

tập tin

điện thoại di động

thư điện tử

trang mạng

chứng cứ

nhà tù

pháp luật

trahv

tunnistaja

kohus

alkiri

kahjum

kasum

klient

summa

krediitkaart

parool

pangaautomaat

bassein
sport

elektrivool

kaamera

raadio

kingitus

pudel

kott

võti

nukk

ingel

tòa án

nhân chứng

tiền phạt

lợi nhuận

thua lỗ

chữ ký

thẻ tín dụng

số tiền

khách hàng

bể bơi

máy rút tiền

mật khẩu

đài radio

máy ảnh

điện

cái túi

cái chai

quà tặng

thiên thần

búp bê

chìa khóa

kamm

hambapasta

hambahari

šampoon

kreem

pabertaskurätik

huulepulk

TV

kino

uudised

istekoht

pilet

ekraan
kino

muusika

lava

publik

maalimine

nali

artikkel

ajaleht

ajakiri

bàn chải đánh răng

kem đánh răng

lược

khăn giấy

kem thoa

dầu gội

rạp chiếu phim

truyền hình

son môi

vé

ghế

tin tức

sân khấu

âm nhạc

màn chiếu

trò đùa

hội họa

khán giả

tạp chí

báo chí

bài báo

reklaam

loodus

tuhk

tuli

teemant

kuu
universum

Maa

päike

täht
universum

planeet

universum

rannik

järv

mets

kõrb

mägi
väike

kivi
suur

jõgi

org

mägi
suur

saar

tro

thiên nhiên

quảng cáo

mặt trăng

kim cương

lửa

ngôi sao

mặt trời

Trái Đất

bờ biển

vũ trụ

hành tinh

sa mạc

rừng

hồ

con sông

đá

đồi núi

đảo

núi

thung lũng

ookean

meri

ilm

jää

lumi

torm

vihm

tuul

taim

puu

rohi

roos

lill

gaas

metall

kuld

hõbe

Hõbe on odavam kui kuld

Kuld on kallim kui hõbe

puhkus

liige

thời tiết

biển

đại dương

bão táp

tuyết

băng

thực vật

gió

mưa

hoa hồng

cỏ

cây

kim loại

chất khí

hoa

Bạc rẻ hơn vàng

bạc

vàng

thành viên

ngày lễ

Vàng đắt hơn bạc

hotell

rand

külaline

sünnipäev

jõulud

uusaasta

lihavõttepühad

onu

tädi

vanaema
isa

vanaisa
isa

vanaema
ema

vanaisa
ema

surm

haud

lahutus

pruut

peigmees

sada üks

sada viis

sada kümme

khách

bờ biển

khách sạn

Năm Mới

Giáng sinh

sinh nhật

cô

chú

Lễ Phục sinh

bà ngoại

ông nội

bà nội

phần mộ

tử vong

ông ngoại

chú rể

cô dâu

ly hôn

110

105

101

sada viiskümmend üks

kakssada

kakssada kaks

kakssada kuus

kakssada kakskümmend

kakssada kuuskümmend
kaks

kolmsada

kolmsada kolm

kolmsada seitse

kolmsada kolmkümmend

kolmsada seitsekümmend
kolm

nelisada

nelisada neli

nelisada kaheksa

nelisada nelikümmend

nelisada kaheksakümmend
neli

viissada

viissada viis

viissada üheksa

viissada viiskümmend

viissada üheksakümmend
viis

202

200

151

262

220

206

307

303

300

400

373

330

440

408

404

505

500

484

595

550

509

kuussada

kuussada üks

kuussada kuus

kuussada kuusteist

kuussada kuuskümmend

seitsesada

seitsesada kaks

seitsesada seitse

seitsesada kakskümmend
seitse

seitsesada seitsekümmend

kaheksasada

kaheksasada kolm

kaheksasada kaheksa

kaheksasada kolmkümmend
kaheksa

kaheksasada
kaheksakümmend

üheksasada

üheksasada neli

üheksasada üheksa

üheksasada nelikümmend
üheksa

üheksasada
üheksakümmend

tiiger

606

601

600

700

660

616

727

707

702

803

800

770

880

838

808

909

904

900

con hồ

990

949

hiir
loom

rott

jänes

lõvi

eesel

elefant

lind

kukk

tuvi

hani

putukas
üldine

putukas
lutikas

sääsk

kärbes

sipelgas

vaal

hai

delfiin

tigu

konn

sageli

con thỏ

con chuột cống

con chuột

con voi

con lừa

con sư tử

con chim bồ câu

con gà trống choai

con chim

con bọ

côn trùng

con ngỗng

con kiến

con ruồi

con muỗi

con cá heo

con cá mập

con cá voi

thường xuyên

con ếch

con ốc sên

kohe

äkki

kuigi

võimlemine

tennis

jooksmine

jalgrattasõit

golf

uisutamine

jalgpall

korvpall

ujumine

sukeldumine

matkamine

Suurbritannia

Hispaania

Šveits

Itaalia

Prantsusmaa

Saksamaa

Tai

mặc dù

đột ngột

ngay lập tức

chạy

quần vợt

thể dục dụng cụ

trượt băng

đánh golf

đạp xe

bơi lội

bóng rổ

bóng đá

Vương quốc Anh

đi bộ đường dài

lặn

Ý

Thụy sĩ

Tây Ban Nha

Thái Lan

Đức

Pháp

Singapur

Venemaa

Jaapan

Iisrael

India

Hiina

Ameerika Ühendriigid

Mehhiko

Kanada

Tšiili

Brasiilia

Argentina

Lõuna-Aafrika

Nigeeria

Maroko

Liibüa

Keenia

Alžeeria

Egiptus

Uus-Meremaa

Austraalia

Nhật Bản

Nga

Singapore

Trung Quốc

Ấn Độ

Israel

Canada

Mexico

Hoa Kỳ

Argentina

Brazil

Chile

Ma Rốc

Nigeria

Nam Phi

Algeria

Kenya

Libya

Úc

New Zealand

Ai Cập

Aafrika

Euroopa

Aasia

Ameerika

veerand tundi

pool tundi

kolmveerand tundi

kell üks

viis minutit kaks läbi

kümme minutit kolm läbi

veerand viis

kakskümmend minutit viis
läbi

kuus kakskümmend viis

pool kaheksa

kaheksa kolmkümmend viis

kahekümne minuti pärast
kümme

kolmveerand üksteist

kümne minuti pärast
kaksteist

viie minuti pärast üks

kell üks hommikul

kell kaks pärastlõunal

Châu Á

Châu Âu

Châu Phi

nửa tiếng

mười lăm phút

Châu Mỹ

2:05

1:00

bốn mươi lăm phút

5:20

4:15

3:10

8:35

7:30

6:25

11:50

10:45

9:40

hai giờ chiều

một giờ sáng

12:55

eelmine nädal

see nädal

järgmine nädal

eelmine aasta

see aasta

järgmine aasta

eelmine kuu

see kuu

järgmine kuu

esimene jaanuar kaks tuhat
neliteist

kahekümne viies veebruar
kaks tuhat kolm

kaheteistkümnes aprill tuhat
üheksasada
kaheksakümmend kaheksa

kolmeteistkümnes oktoober
tuhat kaheksasada
üheksakümmend üheksa

kolmekümnes september
tuhat üheksasada seitse

kaheteistkümnes detsember
kaks tuhat

laup

korts

lõug

põsk

habe

ripsmed

tuần sau

tuần này

tuần trước

năm sau

năm nay

năm ngoái

tháng sau

tháng này

tháng trước

1988-04-12

2003-02-25

2014-01-01

2000-12-12

1907-09-30

1899-10-13

cằm

nếp nhăn

trán

lông mi

râu

má

kulm

vöökoht

kukal

rindkere

pöial

väike sõrm

sõrmusesõrm

keskmine sõrm

nimetissõrm

ranne

sõrmeküüs

kand

selgroog

lihas

luu
keha

skelett

roie

selgrootüli

põis

veen

arter

gáy

eo

lông mày

ngón tay út

ngón cái

lồng ngực

ngón tay trỏ

ngón tay giữa

ngón tay đeo nhẫn

gót chân

móng tay

cổ tay

xương

cơ bắp

xương sống

đốt sống

xương sườn

bộ xương

động mạch

tĩnh mạch

bàng quang

tupp

sperma

peenise

munand

mahlane

vürtsikas

soolane

toores

keedetud

håbelik

ahne

range

kurt

dương vật

tinh trùng

âm đạo

cay

mộng nước

tinh hoàn

lượt

sống

mặn

nghiêm khắc

tham lam

nhút nhát

điếc